

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

Yêu cầu về kỹ thuật bao gồm các nội dung cơ bản như sau:

1.1. Giới thiệu chung về dự án/dự toán mua sắm, gói thầu

- Tên dự án: Mua sắm xe ô tô tại Agribank chi nhánh Cần Thơ.
- Chủ đầu tư: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam.
- Nguồn vốn: Đầu tư mua sắm tài sản cố định của Agribank.
- Tên Gói thầu: Mua sắm 04 xe ô tô 7 chỗ 2 cầu và 01 xe ô tô 16 chỗ tại Agribank chi nhánh Cần Thơ.
- Tóm tắt công việc chính của gói thầu: Thực hiện mua sắm 04 xe ô tô 7 chỗ 2 cầu và 01 xe ô tô 16 chỗ tại Agribank chi nhánh Cần Thơ.
- Giá gói thầu: 7.207.000.000 VND.
- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi trong nước qua mạng.
- Phương thức đấu thầu: Một giai đoạn, một túi hồ sơ.
- Hình thức hợp đồng: Hợp đồng trọn gói.
- Thời gian thực hiện gói thầu: Tối đa 45 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực (bao gồm cả ngày nghỉ, ngày lễ).

1.2. Yêu cầu về kỹ thuật

a) Yêu cầu chung

- Chung loại xe: Xe ô tô 7 chỗ 2 cầu và xe ô tô 16 chỗ được phép lưu hành tại Việt Nam.
- Xuất xứ: Xe ô tô 7 chỗ 2 cầu và xe ô tô 16 chỗ có nhãn hiệu, model, nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng; Có Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường do cơ quan có thẩm quyền cấp đối với hàng hóa nhập khẩu. Đối với hàng hóa sản xuất trong nước phải có Cam kết cung cấp giấy chứng nhận chất lượng của nhà sản xuất khi giao hàng.
- Năm sản xuất: Xe sản xuất từ năm 2025 trở đi, mới 100%, chưa qua sử dụng.
- Xe ô tô bàn giao phải có đầy đủ phụ kiện kèm theo xe theo đúng tiêu chuẩn của hãng sản xuất.
- Nhà thầu cam kết khi giao hàng phải bàn giao đầy đủ các giấy tờ sau:
 - + Giấy chứng nhận chất lượng hàng hóa của nhà sản xuất (CQ)
 - + Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (CO) (Đối với hàng hóa nhập khẩu)

+ Giấy chứng nhận xuất xưởng của nhà sản xuất (Đối với hàng hóa lắp ráp trong nước)

+ Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường do cơ quan có thẩm quyền cấp;

+ Tài liệu hướng dẫn sử dụng bằng tiếng Việt.

- Giá dự thầu đã bao gồm thuế VAT, chi phí vận chuyển, nhập khẩu (nếu có), đào tạo chuyên gia công nghệ, bảo hành, bảo trì và toàn bộ các chi phí khác có liên quan.

- Địa điểm cung cấp và bàn giao hàng hóa: Tại trụ sở Agribank Chi nhánh Cần Thơ; Địa chỉ: Số 146 đường Trần Văn Hoài, phường Ninh Kiều, TP. Cần Thơ.

+ Vận hành chạy thử, hướng dẫn sử dụng: Tại trụ sở Agribank Chi nhánh Cần Thơ; Địa chỉ: Số 146 đường Trần Văn Hoài, phường Ninh Kiều, TP. Cần Thơ.

b) Yêu cầu kỹ thuật chi tiết

i) Xe ô tô 7 chỗ 2 cầu:

TT	Nội dung	Thông số kỹ thuật tối thiểu
A	Chủng loại hàng hóa	
1	Chủng loại xe	Xe ô tô 7 chỗ 2 cầu, 2.0L AT 4x4
2	Chất lượng, năm sản xuất	Xe nhập khẩu mới 100%, sản xuất từ năm 2025 trở đi
3	Màu xe	Trắng
B	Đặc tính thông số kỹ thuật hàng hóa	
I	Động cơ	Bi-Turbo Diesel 2.0L i4 TDCi, trục cam kép có làm mát khí nạp
1	Công suất cực đại (PS/vòng/phút)	$\geq 209,8$ (154,3KW) / 3750
2	Mô men xoắn cực đại (Nm/vòng/phút)	≥ 500 / 1750-2000
3	Dung tích xi lanh (cc)	≥ 1996
4	Hệ thống dẫn động	2 cầu chủ động
5	Hệ thống kiểm soát đường địa hình	Có
6	Hộp số	Số tự động 10 cấp điện tử
7	Trợ lực lái	Trợ lực lái điện
II	Kích thước	
1	Dài x Rộng x Cao (mm)	≥ 4914 x 1923 x 1841

TT	Nội dung	Thông số kỹ thuật tối thiểu
2	Khoảng sáng gầm xe (mm)	≥ 200
3	Chiều dài cơ sở (mm)	≥ 2900
4	Dung tích thùng nhiên liệu	≥ 80 Lít
III	Hệ thống treo	
1	Hệ thống treo trước	Hệ thống treo độc lập, lò xo trụ và thanh cân bằng
2	Hệ thống treo sau	Hệ thống treo sau sử dụng lò xo trụ, ống giảm chấn lớn và thanh ổn định liên kết kiểu Watts Linkage
IV	Hệ thống phanh	
1	Phanh trước và sau	Phanh đĩa
2	Phanh tay điện tử	Có
3	Cỡ lốp	255/55R20 $\pm 10\%$
4	Bánh xe	Vành hợp kim nhôm 20" $\pm 10\%$
V	Trang thiết bị an toàn	
1	Túi khí phía trước	Có
2	Túi khí bên	Có
3	Túi khí rèm dọc hai bên trần xe	Có
4	Túi khí bảo vệ đầu gối người lái	Có
5	Camera	Camera 360
6	Cảm biến hỗ trợ đỗ xe	Cảm biến trước và sau
7	Hệ thống chống bó cứng phanh (ABS) & Phân phối lực phanh điện tử (EBD)	Có
8	Hệ thống cân bằng điện tử (ESP)	Có
9	Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc	Có
10	Hệ thống kiểm soát độ nghiêng	Có
11	Hệ thống kiểm soát tốc độ	Tự động

TT	Nội dung	Thông số kỹ thuật tối thiểu
12	Hệ thống cảnh báo điêm mù kết hợp cảnh báo có xe cắt ngang	Có
13	Hệ thống cảnh báo lệch làn và duy trì làn đường	Có
14	Hệ thống kiểm soát áp suất lốp	Có
15	Hệ thống cảnh báo va chạm và hỗ trợ phanh khẩn cấp khi gặp chướng ngại vật phía trước	Có
16	Hệ thống chống trộm	Có
VI	Trang thiết bị ngoại thất	
1	Đèn pha chống chói tự động	Có
2	Đèn phía trước	LED Matrix, tự động bật đèn, tự động bật đèn chiếu góc
3	Đèn sương mù	Có
4	Gương chiếu hậu bên ngoài	Điều chỉnh điện, gập điện
5	Cửa sổ trời toàn cảnh Panorama	Có
6	Cửa hậu đóng/mở điện	Có
VII	Trang thiết bị bên trong xe	
1	Khởi động nút bấm	Có
2	Chìa khóa thông minh	Có
3	Điều hòa nhiệt độ	Tự động 2 vùng khí hậu
4	Vật liệu ghế	Da cao cấp có thông gió, sưởi ghế
5	Tay lái bọc da	Có
6	Điều chỉnh hàng ghế trước	Ghế lái và ghế khách chỉnh điện 10 hướng có nhớ vị trí ghế lái
7	Hàng ghế thứ ba gập điện	Có
8	Gương chiếu hậu trong	Tự động điều chỉnh tay 2 chế độ ngày/đêm
9	Cửa kính điều khiển điện	Có (1 chạm lên xuống tích hợp chức năng chống kẹt cho cả 2 hàng ghế)
10	Hệ thống âm thanh	AM/FM, MP3, Ipod & USB, Bluetooth, dàn âm thanh 12 loa B&O

TT	Nội dung	Thông số kỹ thuật tối thiểu
11	Công nghệ giải trí	Điều khiển giọng nói SYNC 4A, màn hình TFT cảm ứng 12”
12	Bảng đồng hồ tốc độ	Màn hình $\geq 12,4$ ”
13	Sạc không dây	Có
14	Điều khiển âm thanh trên tay lái	Có

ii) Xe ô tô 16 chỗ:

TT	Nội dung	Thông số kỹ thuật tối thiểu
A	Chủng loại hàng hóa	
1	Chủng loại xe	Xe ô tô 16 chỗ
2	Chất lượng, năm sản xuất	Xe lắp ráp trong nước, mới 100%, sản xuất từ năm 2025 trở đi
3	Màu xe	Trắng
B	Đặc tính thông số kỹ thuật hàng hóa	
I	Động cơ	
1	Dung tích xi lanh (cc)	≥ 2296
2	Công suất cực đại (PS/vòng/phút)	≥ 171 (126 kW) / 3200
3	Mô men xoắn cực đại (Nm/vòng/phút)	≥ 425 / 1400 – 2400
4	Hộp số	6 cấp số sàn
5	Ly hợp	Đĩa ma sát khô, dẫn động bằng thủy lực
6	Trợ lực lái thủy lực	Có
II	Kích thước	
1	Dài x Rộng x Cao (mm)	≥ 5998 x 2068 x 2775
2	Chiều dài cơ sở (mm)	≥ 3750
3	Vệt bánh trước (mm)	≥ 1734
4	Vệt bánh sau (mm)	≥ 1759
5	Khoảng sáng gầm xe (mm)	≥ 150
6	Bán kính vòng quay nhỏ nhất (m)	≥ 6.7

TT	Nội dung	Thông số kỹ thuật tối thiểu
7	Dung tích thùng nhiên liệu (L)	≥ 80
III	Hệ thống treo	
1	Hệ thống treo trước	Hệ thống treo độc lập dùng lò xo trụ, thanh cân bằng và ống giảm chấn thủy lực
2	Hệ thống treo sau	Hệ thống treo phụ thuộc dùng nhíp lá với ống giảm chấn thủy lực
IV	Hệ thống phanh	
1	Phanh trước và sau	Phanh đĩa
3	Cỡ lốp	235 / 65R16C $\pm 10\%$
4	Vành xe	Vành hợp kim 16'' $\pm 10\%$
V	Trang thiết bị an toàn	
1	Túi khí phía trước cho người lái	Có
2	Túi khí cho hành khách phía trước	Có
3	Dây đai an toàn đa điểm cho tất cả các ghế	Có
4	Camera lùi	Có
5	Cảm biến hỗ trợ đỗ xe sau	Có
6	Hệ thống Chống bó cứng phanh & Phân phối lực phanh điện tử	Có
7	Hệ thống Cân bằng điện tử	Có
8	Hệ thống Kiểm soát hành trình	Có
9	Hệ thống Chống trộm	Có
VI	Trang thiết bị ngoại thất	
1	Đèn phía trước	LED, tự động bật đèn
2	Đèn chạy ban ngày	LED
3	Đèn sương mù	LED
4	Gạt mưa tự động	Có
5	Gương chiếu hậu ngoài	Chỉnh điện và gập điện
6	Bậc bước chân điện	Có
7	Cửa trượt điện	Có
8	Chấn bùn trước sau	Có

TT	Nội dung	Thông số kỹ thuật tối thiểu
VII	Trang thiết bị bên trong xe	
1	Điều hòa nhiệt độ	Tự động
2	Cửa gió điều hòa hành khách	Có
3	Chất liệu ghế Ni kết hợp Vinyl	Ni kết hợp Vinyl
4	Điều chỉnh ghế lái	Chỉnh 6 hướng, có tựa tay
5	Điều chỉnh hàng ghế sau	Điều chỉnh ngả, có tựa tay
6	Hàng ghế cuối gập phẳng	Có
7	Tay nắm hỗ trợ lên xuống	Có
8	Giá hành lý phía trên	Có
9	Cửa kính điều khiển điện	Có (1 chạm lên xuống cho hàng ghế trước)
10	Bảng đồng hồ tốc độ	Màn hình $\geq 12.3''$
11	Màn hình trung tâm	Màn hình TFT cảm ứng 12.3''
12	Kết nối Apple Carplay & Android Auto Không dây	Không dây
13	Hệ thống âm thanh	AM/FM, Bluetooth, USB, 6 loa
14	Điều khiển âm thanh trên tay lái	Có
15	Cổng sạc USB cho hàng ghế sau	Có

Ghi chú:

- Yêu cầu thông số kỹ thuật quy định trong mục này là tối thiểu, chỉ nhằm mục đích mô tả và không nhằm mục đích hạn chế nhà thầu. Bất kỳ thương hiệu, ký mã hiệu (nếu có) trong tiêu chuẩn kỹ thuật chi tiết là để minh họa các tiêu chuẩn chất lượng, tính năng kỹ thuật. Vì vậy, nhà thầu có thể lựa chọn dự thầu hàng hóa có nguồn gốc, xuất xứ, nhà sản xuất, thương hiệu, mã hiệu phù hợp với điều kiện cung cấp nhưng phải đảm bảo yêu cầu có tiêu chuẩn kỹ thuật, đặc tính kỹ thuật, tính năng sử dụng “tương đương” hoặc “ưu việt hơn” so với các yêu cầu tối thiểu. Trong trường hợp đó, nhà thầu phải giải trình, chứng minh mặt hàng dự thầu có tính năng, thông số kỹ thuật tương đương hoặc tốt hơn so với yêu cầu của E-HSMT.

- Nhà thầu cũng cấp hàng hóa theo đúng thông số kỹ thuật quy định hoặc tương đương hoặc tốt hơn.

- “Tương đương” có nghĩa là có đặc tính kỹ thuật, có tính năng sử dụng là tương đương với các thiết bị đã nêu trên (kèm theo tài liệu, catalogue để chứng minh).

1.3. Các yêu cầu khác

a) Yêu cầu bảo hành:

- Thời gian bảo hành: Bảo hành 03 năm hoặc 100.000 km phụ thuộc vào điều kiện nào đến trước, áp dụng kể từ ngày bàn giao xe ghi trên phiếu bảo hành theo tiêu chuẩn bảo hành của nhà sản xuất.

- Địa điểm bảo hành: Tất cả các đại lý, trạm bảo hành, bảo dưỡng được ủy quyền của chính hãng sản xuất xe ô tô trên toàn quốc.

b) Dịch vụ hỗ trợ

Các hồ sơ tài liệu sau đây nhà thầu phải cung cấp:

- Hướng dẫn vận hành, sử dụng: Cung cấp các thông tin cần thiết cho người không quen thuộc có thể hiểu và sử dụng được.

- Hướng dẫn bảo dưỡng, bảo trì: Cung cấp kế hoạch bảo dưỡng ngăn ngừa và kế hoạch bảo trì cho các thiết bị, danh mục các bước thứ tự kiểm tra cho từng thiết bị ...

c) Nghiệm thu bàn giao:

- Công việc chỉ được coi là hoàn thành khi các bên liên quan tiến hành ký kết biên bản nghiệm thu hoàn thành bàn giao hàng hóa.

- Mọi thủ tục nghiệm thu hoàn thành bàn giao hàng hóa được thực hiện theo đúng quy định của Pháp luật. Nhà thầu có quyền đưa vào trong đề xuất tài chính toàn bộ các chi phí cần thiết để đảm bảo cho mình nhận được chứng chỉ hoàn thành công việc.

- Nhà thầu bằng chi phí của mình chuẩn bị và nộp hồ sơ thanh toán theo quy định.

- Nhà thầu chịu trách nhiệm bảo hành hàng hóa ngay khi các bên liên quan tiến hành ký kết biên bản nghiệm thu hoàn thành bàn giao hàng hóa.

Mục 2. Bản vẽ: Không có bản vẽ

Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm

Các kiểm tra và thử nghiệm cần tiến hành gồm có:

Thiết bị được kiểm tra, nghiệm thu, chạy thử theo quy định của pháp luật trước khi đưa vào sử dụng.

Bên mời thầu có quyền yêu cầu kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa được cung cấp để đảm bảo hàng hóa đó có đặc tính kỹ thuật phù hợp với yêu cầu của hợp đồng. Thời gian, địa điểm và cách thức tiến hành kiểm tra, thử nghiệm:

+ Địa điểm: Tại đơn vị sử dụng.

+ Thời gian: do các bên thỏa thuận;

+ Nội dung kiểm tra: kiểm tra toàn bộ hàng hóa theo yêu cầu của hợp đồng;

+ Chi phí tổ chức thực hiện: do nhà thầu chi trả.

- Trường hợp hàng hóa không phù hợp với đặc tính kỹ thuật theo hợp đồng thì Bên mời thầu có quyền từ chối và Nhà thầu phải có trách nhiệm thay thế hoặc tiến hành những điều chỉnh cần thiết để đáp ứng đúng các yêu cầu về đặc tính kỹ thuật. Trường hợp Nhà thầu không có khả năng thay thế hay điều chỉnh các hàng hóa không phù hợp, Bên mời thầu có quyền tổ chức việc thay thế hay điều chỉnh nếu thấy cần thiết, mọi rủi ro và chi phí liên quan do Nhà thầu chịu. Việc thực hiện kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa của Bên mời thầu không dẫn đến miễn trừ nghĩa vụ bảo hành hay các nghĩa vụ khác theo hợp đồng của Nhà thầu.